

CƠ CẤU DÂN SỐ

- Câu 1:** Thành phần nào sau đây thuộc nhóm dân số không hoạt động kinh tế?
A. Người có việc làm ổn định. B. Những người làm nội trợ.
C. Người làm việc tạm thời. D. Người chưa có việc làm.
- Câu 2:** Thành phần nào sau đây thuộc vào nhóm hoạt động kinh tế?
A. Học sinh. B. Sinh viên, C. Nội trợ. D. Thất nghiệp.
- Câu 3:** Các nhân tố nào sau đây có tác động mạnh mẽ đến cơ cấu theo lao động?
A. Cơ cấu theo tuổi và cơ cấu kinh tế theo ngành.
B. Cơ cấu theo tuổi và cơ cấu kinh tế thành phần,
C. Cơ cấu kinh tế theo ngành và theo thành phần.
D. Cơ cấu kinh tế theo ngành và theo lãnh thổ.
- Câu 4:** Hoạt động kinh tế nào sau đây không thuộc khu vực I?
A. Nông nghiệp. B. Lâm nghiệp, C. Công nghiệp. D. Ngư nghiệp.
- Câu 5:** Hoạt động kinh tế nào sau đây thuộc khu vực II?
A. Nông nghiệp. B. Lâm nghiệp, C. Công nghiệp. D. Ngư nghiệp.
- Câu 6:** Hoạt động kinh tế nào sau đây thuộc khu vực III?
A. Lâm nghiệp. B. Công nghiệp, C. Ngư nghiệp. D. Dịch vụ
- Câu 7:** Cơ cấu dân số theo giới biểu thị tương quan giữa:
A. giới nam so với giới nữ hoặc so với tổng số dân
B. giới nam so với số dân trung bình ở cùng thời điểm
C. giới nữ so với số dân trung bình ở cùng thời điểm
D. số trẻ em nam và nữ sinh ra so với tổng số dân
- Câu 8:** Sức sản xuất cao nhất của xã hội tập trung ở nhóm tuổi:
A. dưới tuổi lao động B. trong tuổi lao động
C. trên tuổi lao động D. dưới và trên tuổi lao động
- Câu 9:** Sự khác biệt giữa tháp thu hẹp với tháp mở rộng là
A. Đáy rộng, đỉnh nhọn, ở giữa thu hẹp.
B. Đáy hẹp, đỉnh phình to.
C. Ở giữa tháp phình to, thu hẹp về hai phía đáy và đỉnh tháp .
D. Hẹp đáy và mở rộng hơn ở phần đỉnh.
- Câu 10:** Kiểu tháp ổn định (Nhật) có đặc điểm là :
A. Đáy rộng, đỉnh nhọn, hai cạnh thoải.
B. Đáy hẹp, đỉnh phình to
C. ở giữa tháp thu hẹp, phình to ở phía hai đầu.
D. hẹp đáy và mở rộng hơn ở phần đỉnh.
- Câu 11:** Bộ phận dân số trong độ tuổi quy định có khả năng tham gia lao động được gọi là
A. nguồn lao động. B. Lao động đang hoạt động kinh tế .
C. Lao động có việc làm. D. Những người có nhu cầu về việc làm.
- Câu 12:** Nguồn lao động được phân làm hai nhóm
A. Nhóm có việc làm ổn định và nhóm chưa có việc làm.
B. Nhóm có việc làm tạm thời và nhóm chưa có việc làm.
C. Nhóm dân số hoạt động kinh tế và nhóm dân số không hoạt động kinh tế.
D. Nhóm tham gia lao động và nhóm không tham gia lao động.
- Câu 13:** Bộ phận dân số nào sau đây thuộc nhóm dân số hoạt động kinh tế ?
A. Nội trợ.
B. Những người tàn tật.
C. Học sinh, sinh viên.

D. Những người có nhu cầu lao động nhưng chưa có việc làm.

Câu 14: Bộ phận dân số nào sau đây thuộc nhóm dân số không hoạt động kinh tế ?

- A. Những người đang làm việc trong các nhà máy.
- B. Những người nông dân đang làm việc trên ruộng đồng.
- C. Học sinh, sinh viên.
- D. Có nhu cầu lao động nhưng chưa có việc làm.

Câu 15: Cơ cấu dân số thể hiện được tình hình sinh tử, tuổi thọ, khả năng phát triển dân số và nguồn lao động của một quốc gia.

- A. Cơ cấu dân số theo lao động.
- B. Cơ cấu dân số theo giới.
- C. Cơ cấu dân số theo độ tuổi.
- D. Cơ cấu dân số theo trình độ văn hóa.

Câu 16: Cơ cấu dân số theo trình độ văn hoá phản ánh

- A. trình độ dân trí và học vấn của dân cư
- B. tỉ lệ người biết chữ trong xã hội
- C. số năm đến trường trung bình của dân cư
- D. đời sống văn hóa và trình độ dân trí của dân cư

Câu 17: Kiểu tháp tuổi nào sau đây thể hiện tuổi thọ trung bình cao?

- A. mở rộng
- B. ổn định
- C. thu hẹp
- D. không thể xác định được

Câu 18: Cơ cấu dân số được phân ra thành hai loại là

- A. Cơ cấu sinh học và cơ cấu theo trình độ.
- B. Cơ cấu theo giới và cơ cấu theo tuổi.
- C. Cơ cấu theo lao động và cơ cấu theo trình độ.
- D. Cơ cấu sinh học và cơ cấu xã hội.

Câu 19: Một nước có tỉ lệ nhóm tuổi từ 0 – 14 tuổi là trên 35% nhóm tuổi trên 60 tuổi trở lên là dưới 10% thì được xếp là nước có

- A. Dân số trẻ.
- B. Dân số già.
- C. Dân số trung bình.
- D. Dân số cao.

Câu 20: Sự khác biệt giữa tháp mở rộng với tháp thu hẹp là

- A. Đáy rộng, đỉnh nhọn, hai cạnh thoải.
- B. Đáy hẹp, đỉnh phình to.
- C. Đáy rộng, thu hẹp ở giữa, phía trên lại mở ra.
- D. Hẹp đáy và mở rộng hơn ở phần đỉnh.

Câu 21: Loại cơ cấu dân số nào sau đây không thuộc nhóm cơ cấu xã hội?

- A. cơ cấu dân số theo nhóm tuổi
- B. cơ cấu dân số theo lao động
- C. cơ cấu dân số theo dân tộc
- D. cơ cấu dân số theo ngôn ngữ, tôn giáo

Câu 22: Nhóm 0 – 14 tuổi là nhóm tuổi

- A. trong tuổi lao động
- B. dưới tuổi lao động
- C. ngoài tuổi lao động
- D. hoạt động kinh tế

Câu 23: Ý nào sau đây đúng khi nói đến thuận lợi của cơ cấu dân số trẻ ?

- A. Nguồn lao động có kinh nghiệm
- B. Nguồn lao động dồi dào
- C. Nguồn lao động ngành nghề
- D. Nguồn lao động có trình độ cao

Câu 24: Ý nào sau đây đúng khi nói đến thuận lợi của cơ cấu dân số già ?

- A. Nguồn lao động có kinh nghiệm
- B. Nguồn lao động dồi dào
- C. thiếu nguồn lao động
- D. Thị trường tiêu thụ rộng lớn

Câu 25: Tiêu chí nào sau đây cho biết một nước có dân số già

- A. Nhóm tuổi 0 - 14 chiếm dưới 25%, nhóm tuổi 60 trở lên chiếm trên 10%.
- B. Nhóm tuổi 0-14 chiếm dưới 25%, nhóm tuổi 60 trở lên chiếm trên 15%.
- C. Nhóm tuổi 0-14 chiếm trên 35%, nhóm tuổi 60 trở lên chiếm dưới 15%.
- D. Nhóm tuổi 0-14 chiếm trên 35%, nhóm tuổi 60 trở lên chiếm trên 10%.

Câu 26: Tiêu chí nào sau đây cho biết một nước có dân số trẻ?

- A. Nhóm tuổi 0 - 14 chiếm trên 35%, nhóm tuổi 60 trở lên chiếm dưới 10%.
- B. Nhóm tuổi 0-14 chiếm trên 35%, nhóm tuổi 60 trở lên chiếm trên 10%.
- C. Nhóm tuổi 0-14 chiếm dưới 10%, nhóm tuổi 60 trở lên chiếm trên 15%.
- D. Nhóm tuổi 0 -14 chiếm dưới 10%, nhóm tuổi 60 trở lên chiếm dưới 15%.

Câu 27: Tiêu chí nào sau đây không được thể hiện trong kiểu tháp tuổi mở rộng?

- A. Tỉ suất sinh cao.
- B. Tuổi thọ thấp,
- C. Dân số tăng nhanh.
- D. Già hoá dân số.

Câu 28: Tiêu chí nào sau đây không được thể hiện trong kiểu tháp tuổi thu hẹp?

- A. Tỉ suất sinh giảm nhanh.
- B. Nhóm số lượng trẻ em ít
- C. Gia tăng có hướng giảm.
- D. Dân số đang trẻ hóa

Câu 29: Các tiêu chí nào sau đây thể hiện được trong cơ cấu dân số theo lao động?

- A. Nguồn lao động, dân số hoạt động theo khu vực kinh tế.
- B. Tỉ suất sinh, dân số hoạt động theo khu vực kinh tế.
- C. Tỉ số giới, dân số hoạt động theo khu vực kinh tế.
- D. Dân số già, dân số hoạt động theo khu vực kinh tế.

Câu 30: Thành phần nào sau đây không thuộc về nhóm dân số hoạt động kinh tế?

- A. Người có việc làm ổn định.
- B. Những người làm nội trợ.
- C. Người làm việc tạm thời.
- D. Người chưa có việc làm.

Câu 31: Một nước có tỉ lệ nhóm tuổi từ 0 – 14 tuổi là dưới 25 % , nhóm tuổi 60 trở lên là trên 15% thì được xếp là nước có

- A. Dân số trẻ.
- B. Dân số già.
- C. Dân số trung bình.
- D. Dân số cao.

Câu 32: Một nước có tỉ lệ nhóm tuổi từ 0 – 14 tuổi là trên 35%, nhóm tuổi 60 tuổi trở lên là dưới 10% thì được xếp là nước có

- A. Dân số trẻ.
- B. Dân số già.
- C. Dân số trung bình.
- D. Dân số cao.

Câu 33: Bộ phận dân số nào sau đây thuộc nhóm dân số hoạt động kinh tế?

- A. nội trợ
- B. học sinh- sinh viên
- C. người làm thuê việc nhà
- D. người đau ốm, tàn tật

Câu 34: Cơ cấu dân số theo trình độ văn hóa thường dùng làm một tiêu chuẩn để đánh giá

- A. Tốc độ phát triển kinh tế của một nước
- B. Chất lượng cuộc sống ở một nước
- C. Nguồn lao động của một nước
- D. Khả năng phát triển dân số một nước

Câu 35: Cơ cấu dân số được phân ra thành hai loại là

- A. Cơ cấu sinh học và cơ cấu theo trình độ.
- B. Cơ cấu theo giới và cơ cấu theo tuổi.
- C. Cơ cấu theo lao động và cơ cấu theo trình độ.
- D. Cơ cấu sinh học và cơ cấu xã hội.

Câu 36: Cơ cấu dân số theo giới là tương quan giữa

- A. Giới nam so với giới nữ hoặc so với tổng số dân.
- B. Số trẻ em nam so với số trẻ em nữ trong cùng thời điểm.
- C. Số trẻ em nam so với tổng số dân.
- D. Số trẻ em nam và nữ trên tổng số dân ở cùng thời điểm

Câu 37: Cơ cấu dân số theo giới không ảnh hưởng tới

- A. Phân bố sản xuất
- B. Tổ chức đời sống xã hội.
- C. Trình độ phát triển kinh tế - xã hội của một đất nước.
- D. Hoạch định chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của một quốc gia.

Câu 38: Cơ cấu dân số thể hiện được tình hình sinh tử, tuổi thọ, khả năng phát triển dân số và nguồn lao động của một quốc gia.

- A. Cơ cấu dân số theo lao động.
- B. Cơ cấu dân số theo giới.
- C. Cơ cấu dân số theo độ tuổi.
- D. Cơ cấu dân số theo trình độ văn hóa.

Câu 39: Thông thường, nhóm tuổi từ 0 – 14 tuổi được gọi là nhóm

- A. Trong độ tuổi lao động. B. Trên độ tuổi lao động.
C. Dưới độ tuổi lao động. D. Độ tuổi chưa thể lao động

Câu 40: Thông thường, nhóm tuổi từ 15 – 59 tuổi (hoặc đến 64 tuổi) được gọi là nhóm

- A. Trong độ tuổi lao động. B. Trên độ tuổi lao động.
C. Dưới độ tuổi lao động. D. Hết độ tuổi lao động

Câu 41: Cơ cấu dân số trẻ thể hiện:

- A. Tỷ lệ sinh thấp B. Tuổi thọ trung bình thấp
C. Tỷ lệ tử thấp D. Thiếu nguồn lao động

Câu 42: Cơ cấu dân số già thể hiện:

- A. Tỷ lệ sinh cao B. Tuổi thọ trung bình thấp
C. Tỷ lệ tử cao D. Thiếu nguồn lao động

Câu 43: Cơ cấu lao động của các nước phát triển có:

- A. Tỷ trọng lao động trong khi vực III rất cao B. Tỷ trọng lao động trong khi vực II rất cao
C. Tỷ trọng lao động trong khi vực I rất cao D. Tỷ trọng lao động trong khi vực III rất thấp

Câu 44: Kiểu tháp tuổi mở rộng thể hiện:

- A. Gia tăng dân số giảm dần B. Gia tăng dân số nhanh
C. Gia tăng dân số ổn định D. Gia tăng cơ học

Câu 45: Điều không phải là nguyên nhân làm cho tỷ số nam nữ của nước ta khác nhau theo không gian và thời gian ?

- A. Chiến tranh làm nam chết nhiều hơn nữ
B. Tuổi thọ trung bình của nữ thường cao hơn nam
C. Tâm lý xã hội trọng nam khinh nữ.
D. Điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên

Câu 46: Nước ta có cơ cấu dân số trẻ không mang đến thuận lợi nào?

- A. Có thị trường tiêu thụ rộng lớn. B. Nguồn lao động dồi dào
C. Tạo sức hút đầu tư lớn. D. Phát triển y tế, giáo dục

Câu 47: Thông thường, nhóm tuổi từ 60 tuổi (hoặc 65 tuổi) trở lên được gọi là nhóm

- A. Trong độ tuổi lao động. B. Trên độ tuổi lao động.
C. Dưới độ tuổi lao động. D. Không còn khả năng lao động .

Câu 48: Một nước có tỷ lệ nhóm tuổi từ 0 – 14 tuổi là dưới 25 %, nhóm tuổi trên 60 trở lên là trên 15% thì được xếp là nước có

- A. Dân số trẻ. B. Dân số già. C. Dân số trung bình D. Dân số cao.

ĐÁP ÁN

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
ĐA	A	D	A	C	C	D	A	B	C	D
Câu	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
ĐA	A	C	D	C	C	A	B	D	A	A
Câu	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30
ĐA	A	B	B	A	B	A	A	D	A	B
Câu	31	32	33	34	35	36	37	38	39	40
ĐA	B	A	C	B	D	A	C	C	C	A
Câu	41	42	43	44	45	46	47	48		
ĐA	B	D	A	B	D	D	B	B		